

Số: 4806/BC-STNMT

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023 của ngành tài nguyên và môi trường

Năm 2022, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, tạo đà hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu được giao năm 2022 và giai đoạn 2021 – 2025 và tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, trong điều kiện nhân sự còn gặp nhiều khó khăn để thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành sâu sát của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, toàn ngành tài nguyên và môi trường đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, tích cực tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tham mưu kịp thời các kế hoạch, chương trình mang tầm chiến lược góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương. Một số nội dung chính đạt được trong năm 2022, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để đảm bảo triển khai hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ mà Trung ương, bộ, ngành, Tỉnh ủy và UBND Tỉnh giao, đầu năm Sở Tài nguyên và Môi trường đã sớm ban hành các chương trình, kế hoạch công tác của ngành gắn với cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh gắn với các kế hoạch theo Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP của Chính phủ; triển khai kịp thời các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh. Thường xuyên họp giao ban để nắm tình hình và chỉ đạo kịp thời các khó khăn, vướng mắc để báo cáo cấp có thẩm quyền trong quá trình thực hiện.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chung

2.1. Công tác xây dựng chính sách, pháp luật

Tham mưu trình cấp có thẩm quyền xây dựng, ban hành 18 văn bản pháp luật của ngành; trong đó lĩnh vực đất đai 09 văn bản, lĩnh vực môi trường 05 văn bản và lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản 04 văn bản (*Chi tiết đính kèm tại Phụ lục I*).

2.2. Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và thi đua khen thưởng

- Về công tác tổ chức bộ máy: Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường; trên cơ sở đó kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các phòng, đơn vị trực thuộc.

- Về công tác tổ chức cán bộ: Xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của BCHTW Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn suy thoái, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Hoàn thiện quy trình, hồ sơ bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc Sở; bổ nhiệm 02 viên chức lãnh đạo, quản lý; bổ nhiệm lại 01 viên chức, điều động bổ nhiệm 01 công chức. điều động, luân chuyển 06 trường hợp là cấp phó các phòng, đơn vị trực thuộc Sở. Tổ chức thi tuyển và thực hiện các thủ tục bổ nhiệm theo quy định. Thực hiện đúng quy định về công tác cán bộ và chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và thi thăng hạng viên chức¹.

- Về công tác thi đua khen thưởng: Trình UBND tỉnh khen thưởng các cá nhân, tập thể trong phong trào thi đua văn hóa công sở giai đoạn 2019 – 2022 và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen 03 trường hợp, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh 01 trường hợp; trình Hội đồng xét duyệt sáng kiến công nhận sáng kiến 05 trường hợp; trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xét tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp ngành TNMT. Với vai trò Cụm trưởng Cụm thi đua số VII ngành tài nguyên và môi trường, Sở đã tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2022 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Cụm.

2.3. Công tác tài chính công

- Giao và công khai dự toán năm 2022, quyết toán năm 2021 ngân sách nhà nước ngành TNMT; theo dõi tiến độ các dự án theo kế hoạch đầu tư công². Rà soát hồ sơ, khắc phục theo kết luận của Đoàn Kiểm toán nhà nước về công tác quản lý tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 tỉnh Bình Dương.

- Trong năm 2022, nguồn thu phí, lệ phí của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở bình quân ước đạt 144% dự toán, tăng 44% so với dự toán đầu năm. Thu từ dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp bình quân ước đạt 104%, tăng 04% so với dự toán đầu năm, đảm bảo được nguồn kinh phí để hoạt động; chỉ có một đơn vị là Trung tâm Phát triển quỹ đất đạt 40% so với dự toán đầu năm do không có nguồn thu từ công trình dịch vụ, chỉ có nguồn thu tạm ứng từ công trình bồi thường vốn nhà nước (*Chi tiết theo Phụ lục II*).

- Tỷ lệ giải ngân kinh phí NSNN như sau: kinh phí tự chủ ước đạt 100% dự toán năm đảm bảo tiến độ; kinh phí không tự chủ bao gồm: quản lý nhà nước ước đạt 77%; kinh phí sự nghiệp môi trường ước đạt 93%; sự nghiệp kinh tế ước đạt 59% dự toán năm (*Chi tiết kèm theo Phụ lục III*).

2.4. Công tác cải cách hành chính

¹ Cứ 29 trường hợp tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý. Cứ 16 công chức, viên chức tham gia các lớp QLNN ngạch chuyên viên, chuyên viên chính. Cứ 27 CCVC tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức QPAN đối tượng 3 và đảng viên (đối tượng 4) năm 2022. Cứ 20 trường hợp tham dự các khóa bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ. Cứ 03 công chức tham dự lớp bồi dưỡng Thanh tra viên chính. Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định đối với 10 trường hợp thi thăng hạng viên chức ngành TNMT.

² Sở Tài nguyên và Môi trường được giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tại Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 với số tiền là 1.500 triệu đồng, trong đó:

- Dự án “Xây dựng Hệ thống máy chủ vận hành dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường” là 1.000 đồng: đang chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục các dự án ưu tiên đến năm 2025 nên chưa trình phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Dự án “Đầu tư mở rộng hệ thống quan trắc, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh tỉnh Bình Dương” là 500 triệu đồng: đang thực hiện các bước tiếp theo của giai đoạn chuẩn bị đầu tư sau khi được phê duyệt chủ trương đầu tư, đồng thời đang gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết năm 2022 của Chính phủ; kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2025; kế hoạch công tác dân vận lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo Chương trình số 10-CTPH/BDVTU-STNMT ngày 25/3/2019. Tổ chức hoạt động trợ giúp pháp lý về đất đai năm 2022 trên địa bàn một số huyện, xã.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 quyết định về rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính của ngành. Thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Chuẩn bị tốt tài liệu, tiếp và làm việc với Đoàn kiểm tra công tác cải cách TTHC tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Kiểm tra thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với Phòng TNMT và chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại 09 huyện, thị xã, thành phố.

2.5. Công tác công nghệ thông tin và lưu trữ

- Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Sở; đang gửi Sở Thông tin và Truyền thông đề lấy ý kiến kế hoạch chuyển đổi số của Sở đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bám sát kế hoạch, định hướng của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và Bộ TNMT. Rà soát thực hiện các thủ tục đề trình UBND tỉnh phê duyệt dự án hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định. Các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối liên thông với phần mềm Một cửa, liên thông thuế và hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Ban hành Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác và đảm bảo an toàn thông tin và hệ thống thông tin thuộc Sở. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin được giám sát 4 lớp theo cấp độ quy định. Công tác sao lưu dự phòng dữ liệu được thực hiện thường xuyên trên nền tảng điện toán đám mây (cloud) và hệ thống dự phòng (cách xa hệ thống chính) nhằm đảm bảo khả năng khôi phục dữ liệu khi xảy ra sự cố. Cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền cho 100% máy chủ và máy trạm thuộc Sở.

- Chủ động triển khai các dự án theo tiến độ đối với các dự án: Đánh giá an toàn hệ thống thông tin ngành TNMT năm 2022; Đánh giá an toàn hệ thống thông tin và Thuê dịch vụ sao lưu dữ liệu trực tuyến ngành tài nguyên và môi trường năm 2022; Thuê địa điểm đặt máy chủ năm 2022-2023; Chính lý tài liệu ngành TNMT năm 2022; Xây dựng Hệ thống máy chủ vận hành dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương. Chủ động, phối hợp với Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh trong công tác xây dựng kho lưu trữ của Sở TNMT.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Trong năm đã thu thập được hơn 20.000 hồ sơ. Đồng thời, đã thực hiện cung cấp 665 hồ sơ cung cấp thông tin về khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường. Sắp xếp 11.386 hồ sơ, biên mục được 11.380 hồ sơ đăng ký biến động đất đai.

2.6. Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

- Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 lĩnh vực TNMT. Trong năm 2022, toàn ngành tài nguyên và môi trường đã thực hiện thanh tra, kiểm tra 1.682 đơn vị, trong đó đã xử lý vi phạm 1.359 đơn vị với số tiền là 45 tỷ 800 triệu đồng.

- Tổ chức 331 buổi tiếp công dân tại Sở (Lãnh đạo Sở tổ chức 46 buổi tiếp; bố trí cán bộ trực 285 ngày tiếp); tham gia đầy đủ các buổi tiếp công dân của Ban tiếp công dân Tỉnh. Đã giải quyết xong 128/133 đơn, đạt tỷ lệ 96,2%.

- Báo cáo và làm việc với Đoàn Kiểm tra số 6 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Báo cáo kết quả rà soát việc thực hiện kiến nghị, kết luận thanh tra của bộ, ngành Trung ương, Kiểm toán Nhà nước và địa phương. Tổng hợp tình hình khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai giai đoạn từ năm 2016 – 2021. Báo cáo và bổ sung nội dung, thông tin thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giao đoạn 2016 – 2021. Báo cáo tổng kết công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012 – 2022.

2.7. Công tác tuyên truyền

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động truyền thông môi trường năm 2022; kế hoạch tập huấn Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, cụ thể như:

+ Ban hành Kế hoạch số 506/KH-STNMT ngày 21/02/2022³ để triển khai đồng bộ Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đến các cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Đã phối hợp với Tổng cục Môi trường, Cục Môi trường miền Nam tổ chức Hội nghị tập huấn Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đối với cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Phòng cảnh sát môi trường - Công an tỉnh Bình Dương; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố.

- Báo cáo kết quả thực hiện Ngày Môi trường thế giới 5/6, Tháng hành động vì môi trường; tổ chức hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai và biến đổi khí hậu tại 09 xã của huyện Phú Giáo và cho cán bộ cấp xã, huyện; xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2022; ...

- Phối hợp Báo Bình Dương xây dựng các chuyên mục, chuyên đề để tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên báo Bình Dương theo kế hoạch. Chú trọng hoạt động của Trang thông tin điện tử; thường xuyên cập nhật, làm mới, bổ sung đầy đủ thông tin theo quy định; trong năm 2022 đã cập nhật 748 tin, bài và 296 câu trả lời các thắc mắc,

³ Trước đó Sở đã ban hành Kế hoạch số 1440/KH-STNMT ngày 19/4/2021 và Công văn số 2246/STNMT-CCBVMT ngày 17/6/2021 để hướng dẫn triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đến các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Chủ đầu tư các Khu, cụm công nghiệp; Hiệp hội ngành nghề; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

kiến nghị từ người dân, doanh nghiệp tại Chuyên mục Hỏi - Đáp trên Trang thông tin điện tử của Sở.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực chuyên ngành

3.1. Liên quan đến công tác lập Quy hoạch tài nguyên và môi trường để tích hợp vào Quy hoạch Tỉnh: Chủ động phối hợp, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan cho đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh về các nội dung, phương án về quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh.

3.2. Lĩnh vực quản lý đất đai

- Đang khẩn trương thực hiện các thủ tục trong công tác tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 – 2025) cấp tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; tham mưu chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát, tính toán nhu cầu và đề xuất chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, 2030 nhằm thống nhất chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch. Đã hoàn thành tham mưu phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đã được điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình) của 09 huyện, thị xã, thành phố. Tham mưu báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thống kê đất đai năm 2021.

- Thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt và kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền về các khó khăn, vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư. Trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh xem xét thẩm định 103 hồ sơ xác định giá đất cụ thể. Trong năm 2022, thực hiện 14 công trình chuyển tiếp năm 2021 (trong đó: 7 công trình nguồn vốn ngân sách và 7 công trình nguồn vốn doanh nghiệp), kết quả cụ thể như sau: Kế hoạch giao đối với 07 công trình vốn ngân sách là 1.918,9 tỷ đồng (*trong đó, có kế hoạch vốn đầu năm 2021 chuyển sang là 829,8 tỷ đồng và kế hoạch vốn được điều chỉnh theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 và Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 là 581,2 tỷ đồng*). Tính đến tháng 11/2022, đã giải ngân 282,2 tỷ đồng/1.918,9 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 14,7%). Dự kiến đến 31/12/2022, giải ngân 1.517,6 tỷ đồng/1.918,9 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 79%), cụ thể: 01 công trình hoàn thành 100% công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư⁴; 04 công trình thực hiện trên 80% công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư⁵; 01 công trình thực hiện trên 60% công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư⁶; 01 công trình công tác kiểm kê đạt trên 80%, dự kiến cuối năm 2022, trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 150 hộ/240 tỷ đồng⁷.

⁴ Công trình đường tạo lực Mỹ Phước – Bàu Bàng.

⁵ Công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng; Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT-743, đoạn từ Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần; Công trình Thủ Biên – Đất Cuốc; dự án Khu vực Thành ủy (UBND thành phố cũ).

⁶ Công trình Quốc lộ 13, đoạn II, III đang niêm yết, hoàn chỉnh phương án, trình thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến giải ngân khoảng 577 tỷ đồng; giai đoạn I dự kiến giải ngân khoảng 400 tỷ đồng.

⁷ Công trình nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn giao với ngã ba Dài Liệt sỹ Tân Phước Khánh

- Đã trình UBND Tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 70 trường hợp, tổng diện tích 2.148.261,6 m² (giao đất đối với 41 trường hợp, tổng diện tích 980.687,8 m²; cho thuê đất đối với 05 trường hợp, tổng diện tích 95.832,5 m²; chuyển mục đích sử dụng đất đối với 24 trường hợp, tổng diện tích 1.071.741,3m²); thu hồi đất đối với 13 trường hợp, tổng diện tích 692.573,7m². Tham mưu 185 trường hợp liên quan đến thẩm định nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp.

- Thực hiện nhiều giải pháp đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tỉ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong năm 2022, đã thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 2.622 hồ sơ với 2.000 giấy chứng nhận; cấp đổi, cấp lại 302.776 hồ sơ với 337.914 giấy chứng nhận.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy về Phương án khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 và chủ trương đầu tư các khu đất hiện do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đang quản lý (*đính kèm chi tiết tại Phụ lục VII*). Hoàn thành thực hiện tham mưu báo cáo UBND tỉnh các khu tái định cư thuộc khu vực phía Nam giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương (*đính kèm chi tiết tại Phụ lục VI*); trong đó, giai đoạn 2022-2025 các địa phương phía Nam như Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên và Bến Cát có 18 dự án tái định cư, với tổng diện tích khoảng 434,1ha, số nền dự kiến: 22.450 nền, tổng nguồn vốn dự kiến đầu tư 7.420.057.352.500 đồng.

3.3. Lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

- Triển khai các bước thực hiện các đề án Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí và nước mặt trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Kế hoạch và triển khai các giải pháp nhằm giảm phát sinh khí thải nhà kính đối với lĩnh vực xử lý chất thải”; Xây dựng quy định mức nước báo động lũ; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Bình Dương giai đoạn 2022 – 2025; Đề án xây dựng Sách Xanh; v.v....

- Tổ chức họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho 31 dự án; trình phê duyệt 38 báo cáo ĐTM; thông báo kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM 12 dự án; thông báo xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường 03 dự án. Họp Hội đồng thẩm định/tổ thẩm định báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường 24 dự án; thông báo kết quả họp Hội đồng thẩm định/tổ thẩm định 34 dự án; cấp Giấy phép môi trường đối với 07 dự án. Tham dự họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với 12 dự án và họp Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường đối với 11 dự án theo thư mời của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho 03 doanh nghiệp.

- Công tác thu phí về môi trường là 10,6 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 113% (vượt kế hoạch đề ra), gồm các khoản thu sau: (1) Thu phí bảo vệ môi trường đối với

nước thải công nghiệp là 09 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 113% (vượt kế hoạch đề ra); (2) Thu phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung là 400 triệu đồng, đạt tỷ lệ 50% (không đạt kế hoạch đề ra do đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 ít hơn quy định trước đây); (3) Thu phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường là 1,2 tỷ đạt tỷ lệ 200% (vượt kế hoạch đề ra).

- Tiến hành kiểm tra và thông báo kết quả quan trắc nước thải và khí thải tự động định kỳ đối với 93 doanh nghiệp. Hiện nay có 108 trạm quan trắc nước thải tự động và 39 trạm quan trắc khí thải tự động đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận kết nối dữ liệu; theo dõi vận hành công trình xử lý chất thải và tình hình khắc phục lỗi các thiết bị hệ thống quan trắc chất thải tự động của các doanh nghiệp.

- Phối hợp Báo cáo kết quả thực hiện và xây dựng Kế hoạch tăng cường kiểm soát ô nhiễm kênh Ba Bò. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của cộng đồng văn hóa Asean đến năm 2025 và 03 kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Tham mưu Kế hoạch tăng cường công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và hoạt động kinh doanh phế liệu trên địa bàn tỉnh; kế hoạch tổ chức đánh giá và xây dựng Sách Xanh tỉnh Bình Dương năm 2022. Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về các vụ việc chôn lấp tro, xỉ tại xã Tân Long, huyện Phú Giáo và tiếp tục tăng cường rà soát thanh, kiểm tra quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm.

- Công tác ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và hỗ trợ tài chính về bảo vệ môi trường trong năm 2022: Tổng doanh thu hoạt động là 14,9 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch năm; thực hiện xét duyệt và ký Hợp đồng tín dụng đối với 01 dự án với tổng số tiền 24 tỷ đồng, tiến hành giải ngân cho 03 dự án vay vốn với tổng số tiền là 24.215 triệu đồng; triển khai công tác tài trợ cho các hoạt động tuyên truyền, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh với số tiền 139 triệu đồng; tiếp nhận ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đối với 40 dự án khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp với tổng số tiền 8,8 tỷ đồng, quản lý an toàn nguồn ký quỹ theo quy định.

3.4. Lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản

- Tiếp tục triển khai các Đề án “Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất các vùng khan hiếm nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương”. Trình UBND tỉnh tiếp tục thực hiện nội dung của Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 kéo dài đến khi quy hoạch Tỉnh được phê duyệt.

- Trong năm 2022, đã tham mưu cấp 35 giấy phép tài nguyên nước và 05 giấy phép khoáng sản; tham mưu phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho 80 doanh nghiệp. Đề nghị các doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương đề nghị lập hồ sơ bổ sung phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

- Đang khắc phục các nội dung tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn 2017 – 2021 tỉnh Bình Dương và kiểm tra, xử lý vi phạm 03 doanh nghiệp có hành vi khai thác, sử dụng nước không phép, truy thu khối lượng nước dưới đất không phép. Phối hợp tuần tra và khai thác cát xây dựng hồ Dầu Tiếng, qua đó đã phát hiện 04 tàu hút cát trái phép, đoàn đã lập biên bản tạm giữ tàu, hiện đang xác minh các đối tượng liên quan.

4. Báo cáo các nhiệm vụ mang tính chất liên sở, ngành và địa phương

4.1. Công tác quy hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai; phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai; phương án tạo nguồn thu từ quỹ đất

4.1.1. Về công tác lập Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

- Theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định: *Cơ quan được giao lập Quy hoạch tỉnh có trách nhiệm gửi các tài liệu, số liệu liên quan đến việc lập quy hoạch tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh.* Sở đã có 05 văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư (*cơ quan được giao lập quy hoạch tỉnh*) có trách nhiệm gửi các tài liệu, số liệu liên quan đến Quy hoạch tỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đồng thời đẩy nhanh công tác tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn.

- Ngày 24/8/2022, UBND tỉnh có Văn bản số 4323/UBND-KT về lựa chọn nhà thầu lập Quy hoạch tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh *giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Tổng Công ty Becamex IDC thực hiện theo ý kiến kết luận và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 410-TB/TU ngày 08/8/2022, đảm bảo đơn vị tư vấn được lựa chọn có đủ năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiến độ, hiệu quả.* Trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thành các công việc: (i) *Hội nghị triển khai công tác lập quy hoạch tỉnh;* (ii) *làm việc với các sở, ngành, UBND cấp huyện về đánh giá hiện trạng và phương án phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương;* (iii) *hoàn thành việc lựa chọn đơn vị tư vấn Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.*

- Thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao, hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh trong công tác cung cấp tài liệu, số liệu phục vụ việc lập Quy hoạch tỉnh, trong đó kết quả việc thu thập, xử lý tài liệu, số liệu liên quan đến việc lập Quy hoạch tỉnh sẽ được Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức xây dựng Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ).

4.1.2. Về tiến độ lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 – 2025) cấp tỉnh (gọi tắt là Dự án); Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến cấp huyện

- Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương, phê duyệt đề cương – dự toán kinh phí và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, Sở đã chỉ định 02 đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; đồng thời ban

hành Quyết định số 982/QĐ-STNMT ngày 30/9/2022 về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu lựa chọn đơn vị tư vấn lập Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; thông tin về hồ sơ mời thầu lựa chọn đơn vị tư vấn lập Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi hoàn thành việc lựa chọn đơn vị tư vấn, công tác phối hợp thu thập tài liệu, số liệu sẽ được nhanh chóng tiến hành và dự kiến hoàn thành công tác lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh vào tháng 11/2023.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đã có điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình) của 09 huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2022.

4.1.3. Phương án tạo nguồn thu từ quỹ đất

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để xây dựng “*Phương án khai thác quỹ đất, tạo nguồn thu từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030*” và đã có Văn bản số 2198/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27/6/2022 báo cáo UBND tỉnh. Theo đó căn cứ tình hình thực tế và tiến độ đầu tư các dự án, Sở đề xuất thực hiện cơ chế đấu thầu giai đoạn năm 2022 – 2024 là 15 khu đất hiện do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đang quản lý.

4.1.4. Quản lý, sử dụng đất đai

Rà soát, sửa đổi các quy định: điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh; giao đất, cho thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý; tách khu đất do Nhà nước quản lý, đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích... xen kẽ trong dự án thành dự án độc lập. Chú trọng triển khai các quy định về quản lý và sử dụng đất đai, trong năm 2022 đã tham mưu giao đất, cho thuê đất cho 70 trường hợp, tổng diện tích 214,8 ha; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên toàn tỉnh đạt 99,86%.

4.2. Công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng khoáng sản

- Để đẩy mạnh công tác lập quy hoạch tỉnh, Sở đã chủ động phối hợp, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan cho đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh về phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh.

- Đối với khai thác khoáng sản, trong năm 2022, Sở đã tham mưu cấp 05 giấy phép khoáng sản. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương có 52 mỏ được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản đều thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (gồm có 22 điểm mỏ đá xây dựng, tổng diện tích đã cấp giấy phép khai thác là 628,52 ha; 23 điểm mỏ sét gạch ngói, tổng diện tích đã cấp giấy phép khai thác là 328,71 ha; 07 giấy phép cát xây dựng, tổng diện tích cấp giấy phép khai thác là 222,216 ha). Ngoài ra có 01 dự án tận thu khoáng sản trong nạo vét khơi

thông luồng lạch sông Thị Tính đã được UBND Tỉnh cấp chủ trương, Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND xem xét tận thu khối lượng sản phẩm cát xây dựng tại Tờ trình số 148/TTr-STNMT ngày 19/5/2021.

Công tác thăm dò, khai thác khoáng sản có sự phối hợp chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương (các sở, ngành, địa phương), cụ thể: Từ giai đoạn xin chủ trương đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản đều có lấy ý kiến của các địa phương; trong giai đoạn thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng cũng như giai đoạn các mỏ đi vào hoạt động đều có sự phối hợp giám sát chặt chẽ với các cơ quan trung ương, các địa phương và sở, ngành liên quan.

- Tiếp tục tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý khai thác khoáng sản; đã tiếp và làm việc với Đoàn Kiểm toán Nhà nước về công tác quản lý tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 đối với tỉnh Bình Dương và Đoàn kiểm tra của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hiện Sở đang xử lý, khắc phục theo kết luận của các đoàn.

Đối với quy chế phối hợp quản lý cấp phép hoạt động nói chung (trong đó có hoạt động khoáng sản) trong lòng hồ Dầu Tiếng giữa các tỉnh liên quan và với Bộ NN&PTNT đến nay cơ bản thực hiện tốt, việc quản lý dần đi vào ổn định. Thời gian qua Sở đã thực hiện nhiệm vụ theo Đội liên ngành 1588, phối hợp Công an tỉnh kiểm tra 03 đơn vị có hoạt động khai thác khoáng sản theo đơn phản ánh, tố cáo của người dân; tuần tra, phát hiện, lập biên bản tạm giữ tàu và đang xác minh đối với 04 tàu hút cát xây dựng hồ Dầu Tiếng trái phép. Thực hiện Quyết định số 1757/QĐ-UBND về kiểm tra 08 đơn vị về việc chấp hành các quy định của pháp luật TNMT, hoạt động bên bãi và các vấn đề có liên quan đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát xây dựng trong lòng hồ Dầu Tiếng, hiện đang tổng hợp để xử phạt vi phạm theo quy định pháp luật.

4.3. Công tác quy hoạch, quản lý và bảo vệ môi trường

- Trong thời gian qua, để tăng cường quản lý bảo vệ môi trường, Sở đã phối hợp các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiều giải pháp nhằm kiểm soát việc xả thải của các doanh nghiệp nói riêng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh nói chung, hạn chế các dự án đầu tư không đảm bảo về mặt môi trường trong quá trình thu hút đầu tư. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ các nguồn thải là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các nguồn thải có lưu lượng nước thải lớn thông qua hệ thống quan trắc tự động, camera quan sát và thiết bị lấy mẫu tự động; cụ thể hiện nay 108 trạm quan trắc nước thải tự động và 39 trạm quan trắc khí thải tự động đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận kết nối dữ liệu; theo dõi vận hành công trình xử lý chất thải và tình hình khắc phục lỗi các thiết bị hệ thống quan trắc chất thải tự động của các doanh nghiệp.

- Tiếp tục xây dựng phương án bảo vệ môi trường để tích hợp vào Quy hoạch chung của tỉnh. Xây dựng Quy định bảo vệ môi trường; điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bình Dương giai

đoạn 2021 – 2025 cho phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022; ...

- Công tác quản lý chất thải rắn tiếp tục được Sở tăng cường quan tâm, phối hợp chặt chẽ cùng chính quyền địa phương đã góp phần cho công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh ngày càng chặt chẽ và đi vào nề nếp; nâng cao ý thức của người dân về thói quen bỏ rác hàng ngày. Triển khai kịp thời các giải pháp đẩy mạnh quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh nhất là Trạm trung chuyển chất thải rắn Tân Bình; tuyên truyền, hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025.

- Đến nay các chỉ tiêu về môi trường trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 được UBND tỉnh giao cho Sở theo Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 đều được thực hiện đạt chỉ tiêu tỉnh đề ra (*Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 98,4% - Chỉ tiêu giao 98,4%; Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý, đạt 100% - Chỉ tiêu giao 100%; Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100% - Chỉ tiêu giao 100%; Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đạt 100% - Chỉ tiêu giao 100%*).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong năm 2022, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Tỉnh ủy và UBND Tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã nêu cao tinh thần trách nhiệm nhất là trách nhiệm người đứng đầu; chủ động bám sát các ý kiến chỉ đạo của cấp trên, thường xuyên giám sát tiến độ nhiệm vụ được giao và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải quyết, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, đầu tư công, phương án tạo nguồn thu từ quỹ đất, công tác lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Chú trọng triển khai các quy định về bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản; tăng cường hướng dẫn và giám sát việc quản lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải trên địa bàn Tỉnh; đến nay các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 được giao theo Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 đều được kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó Sở cũng thường xuyên rà soát và kiểm tra tình hình giải quyết thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành.

Bên cạnh các mặt đạt được, năm 2022 ngành vẫn còn một số khó khăn, tồn tại như: Công tác xác định giá đất cụ thể còn nhiều bất cập, khó khăn; điều này cũng ảnh hưởng phần nào đến quy trình xác định nghĩa vụ tài chính về đất và công tác thu hồi đất (*đính kèm chi tiết tại Phụ lục IV*). Một số địa phương nằm phía Bắc của tỉnh còn để xảy ra tình trạng chôn lấp chất thải chưa qua xử lý ở một số khu vực, gây ô nhiễm môi trường. Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến “toàn trình” đối với TTHC có kèm theo giấy CNQSDĐ còn gặp vướng

mắc do hiện nay phải nộp/nhận trực tiếp giấy CNQSDĐ bản gốc theo quy định pháp luật, vì vậy phải thực hiện dịch vụ công trực tuyến “một phần” theo hướng dẫn tại Văn bản số 3768/BTNMT-VP ngày 01/7/2022 của Bộ TNMT.

Những khó khăn và hạn chế nêu trên là do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

- Do văn bản pháp luật của ngành tài nguyên và môi trường ban hành nhiều nên vẫn còn những chồng chéo, chưa đồng bộ; việc xác định giá đất cụ thể phải đảm bảo phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường, tuy nhiên dữ liệu giá chuyên nhượng hiện nay không chính xác, thiếu thông tin để so sánh đối chiếu do thị trường bất động sản hiện nay cơ bản còn chưa minh bạch; quy trình xây dựng giá đất theo quy định pháp luật tốn nhiều thời gian do phải trải qua nhiều khâu, nhiều bước.

- Theo phân cấp việc quản lý môi trường, đất đai, xây dựng, các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải và các cơ sở kinh doanh phế liệu thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã. Với vai trò, chức năng, nhiệm vụ được giao Sở đã ban hành hoặc tham mưu ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường công tác kiểm tra, xử lý đối với các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải và các cơ sở kinh doanh phế liệu. Do khối lượng công việc nhiều, nhân lực hạn chế, nên một số địa phương, nhất là một số xã nằm ở huyện phía Bắc của tỉnh chưa kiểm tra, xử lý triệt để, còn để xảy ra tình trạng chôn chất thải chưa qua xử lý ở một số khu vực xa dân cư.

- Về mặt chủ quan, đôi lúc một số công việc chung của cơ quan và các đơn vị còn chưa chủ động kịp thời, nhất là các vụ việc phát sinh ngoài dự lượng hoặc vượt chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền... cần lưu ý khắc phục trong thời gian tới.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Các nhiệm vụ chung

- Tập trung tham mưu xây dựng văn bản pháp luật về lĩnh vực TNMT theo đúng chương trình công tác. Ban hành các Kế hoạch liên quan đến lĩnh vực tổ chức cán bộ, quy hoạch cán bộ và công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Thực hiện giao, công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 lĩnh vực TNMT; theo dõi tiến độ các dự án được giao về kế hoạch đầu tư công.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương; nâng cấp hạ tầng mạng, hạ tầng kết nối đảm bảo an toàn thông tin, đáp ứng nhu cầu lưu trữ, vận hành các hệ thống, ứng dụng dùng chung, cơ sở dữ liệu đảm bảo chia sẻ, kết nối. Tiếp nhận, chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ khoa học nhằm khai thác, cung cấp hồ sơ, tài liệu chính xác, kịp thời.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra hành chính và thanh kiểm tra thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường năm 2023; tập

trung thành kiểm tra các dự án chậm triển khai, trong đó có các dự án khu dân cư và nhà ở. Tham gia đầy đủ các buổi tiếp dân theo quy định; chú trọng giải quyết các đơn thư khiếu nại nhất là đơn thư phức tạp, kéo dài.

2. Nhiệm vụ trọng tâm đối với các lĩnh vực chuyên ngành

2.1. Lĩnh vực đất đai, đo đạc - bản đồ và viễn thám

- Thẩm định chặt chẽ và tham mưu trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các tổ chức; xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bình Dương; tiếp tục và hoàn thành công tác lập Quy hoạch tỉnh và xây dựng Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai, hoàn thành việc lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm. Phân đấu đạt tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất dưới 0,2%; 100% hồ sơ (mới) được cập nhật vào cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính.

- Tham mưu xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bình Dương. Triển khai các dự án: “Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu và Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp lần đầu trên địa bàn tỉnh Bình Dương”.

- Tham mưu triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Phương án khai thác nguồn thu từ quỹ đất. Triển khai hiệu quả các công việc, nhiệm vụ theo Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh. Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền phê duyệt của UBND Tỉnh.

2.2. Lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

- Thực hiện các đề án, kế hoạch: Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí và nước mặt trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2024 - 2030; Xây dựng quy định mực nước báo động lũ; Kế hoạch và triển khai các giải pháp nhằm giảm phát sinh khí thải nhà kính trong lĩnh vực xử lý chất thải và Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Bình Dương giai đoạn 2022 - 2025; đề án Đánh giá tác động, tính rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Tham mưu ban hành lại Kế hoạch bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2023. Triển khai thực hiện Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo dõi và vận hành hệ thống các trạm quan trắc tự động nước thải, nước dưới đất, nước mặt tự động và các trạm thủy văn. Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu cho tổ chức, công dân thông qua các sự kiện.

- Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương - *Chuyên đề chất thải rắn*; báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương năm 2022. Tiếp tục rà soát, thống kê, hướng dẫn, đôn đốc các dự án, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định phải nộp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, đảm bảo tất

cả các cơ sở đang hoạt động thuộc đối tượng nêu trên được cấp giấy phép môi trường trước ngày 01/01/2025.

- Tiếp tục tìm kiếm dự án cho vay thuộc đối tượng có nhu cầu vay vốn như đầu tư chuyển đổi phương tiện thu gom vận chuyển chất thải, các công trình xử lý nước thải tập trung trong quá trình sản xuất kinh doanh; theo dõi và yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong năm theo đúng quy định.

2.3. Lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản

- Tiếp tục phối hợp đơn vị tư vấn cung cấp hồ sơ, tài liệu và xây dựng Phương án khai thác, bảo vệ tài nguyên nước và phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Điều tra, thống kê và lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương”. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục ao, hồ, đầm, phá không san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo UBND tỉnh tình hình cấp phép, thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết cát xây dựng hồ Dầu Tiếng. Khắc phục những tồn tại theo Kết luận của Đoàn Kiểm toán Nhà nước và Đoàn kiểm tra của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tăng cường kiểm tra chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, khoáng sản (dự kiến khoảng 20 đơn vị).

3. Giải pháp thực hiện

Đề hoàn thành các nhiệm vụ công tác của ngành tài nguyên và môi trường trong năm 2023 và khắc phục các khó khăn, tồn tại trong năm qua, ngành sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp chính như sau:

- Tăng cường công tác truyền thông chính sách pháp luật nâng cao nhận thức của cộng đồng với mục tiêu “Dân biết, dân hiểu, dân tin, dân làm, dân kiểm tra giám sát và dân thụ hưởng” và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của CCVCNLD trong toàn hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cấp huyện và xã về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp đầu tư cho bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục cải tiến phong cách và lề lối làm việc theo hướng sâu sát, khoa học và kịp thời để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao; tiếp tục chủ động, sáng tạo trong tham mưu và tổ chức điều hành; nâng cao vai trò trách nhiệm cá nhân phụ trách; tăng cường bám sát, chỉ đạo, kiểm tra, xử lý kịp thời công việc hàng ngày để đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả thực hiện công việc được giao. Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, đôn đốc giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế cơ quan, thực hiện văn hóa nơi công sở.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho CCVCNLD, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo kế hoạch và thông qua thực tiễn công việc

hàng ngày để phát huy hơn nữa tính năng động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm trong việc tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường đẩy mạnh việc hoàn thiện, đồng bộ hóa hạ tầng công nghệ thông tin giữa cấp tỉnh và cấp huyện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phối hợp, triển khai nhiệm vụ của ngành.

- Tiếp tục thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo giữa Sở, ngành với địa phương, giữa các Chi nhánh với cấp huyện, giữa nội bộ ngành để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác phối hợp.

IV. ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC NĂM 2023

Sở Tài nguyên và Môi trường đã đăng ký chương trình làm việc năm 2023 của UBND Tỉnh – *Chi tiết kèm theo Phụ lục V.*

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của ngành tài nguyên và môi trường; đăng ký chương trình làm việc năm 2023 của UBND Tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chỉ đạo./. *ML*

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
 - UBND Tỉnh;
 - BGĐ Sở;
 - Các phòng và đơn vị thuộc Sở;
 - PTNMT các huyện, thị xã, TP;
 - Lưu: VT, VP.Ch(2b).
- (PTr số : *168*./VP-T12-2022)

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Sự

Phụ lục I

TIẾN ĐỘ CÁC VĂN BẢN, QUY ĐỊNH SỞ THAM MƯU XÂY DỰNG NĂM 2022

Tính đến ngày 30/11/2022

(Đính kèm Báo cáo số 4806 /BC-STNMT ngày 31/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)


STT	TÊN QUY ĐỊNH	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN		GHI CHÚ
		Đã tham mưu ban hành	Đang tham mưu	
A. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI				
1	Quyết định quy định liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý	Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
2	Quyết định quy định tách khu đất do Nhà nước quản lý, đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích... xen kẽ trong dự án thành dự án độc lập	Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
3	Quyết định ban hành Quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương		Đang tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban ngành.	Thay thế Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Quyết định ban hành Đơn giá xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương		Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương và đang thương thảo	
5	Văn bản điều chỉnh Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Dương		ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá để triển khai thực hiện xây dựng đơn giá	
6	Quy định bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của		



		Ủy ban nhân dân tỉnh		
7	Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công Thông kê đất đai trên địa bàn tỉnh;	Quyết định số 26/2022/QĐ-		
		UBND ngày 22/09/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
8	Quyết định về Quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh		Đã trình Sở Tư pháp thẩm định và đang đánh giá tác động, dự kiến tham mưu ban hành trong tháng 12/2022	Thay thế Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/9/2017, số 28/2019/QĐ-UBND ngày 03/12/2019
9	Quyết định ban hành Bảng đơn giá đo đạc và bản đồ địa chính	Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		

B. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

10	Về việc thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 02/3/2022 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 4336/KH-UBND ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
11	Về việc bãi bỏ toàn bộ “Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và	Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		

	<i>hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”</i>			
12	Về việc bãi bỏ “Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định tiêu chí đánh giá, phân hạng các doanh nghiệp và xây dựng Sách Xanh tỉnh Bình Dương”	Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
13	Quy định về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
14	Quy định Bảo vệ môi trường		Đang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét và cho ý kiến chỉ đạo đối với dự thảo	

C. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

15	Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nghị quyết 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh		
16	Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ, một số điều của Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
17	Danh mục nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành	Quyết định số 1595/QĐ-		

		UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		
18	Cho phép tiếp tục thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 2823/QĐ- UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh		

Phụ lục II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU DỊCH VỤ, PHÍ, LỆ PHÍ, THU SỰ NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Báo cáo số H806 /BC-STNMT ngày 21 / 12 /2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán thu 2022				Trong đó		Ước thực hiện năm 2022				Trong đó		Tỷ lệ % thực hiện so với dự toán được giao
		Tổng số	PLP	Sự nghiệp	Dịch vụ	Số được để lại theo chế độ	Số nộp ngân sách	Tổng số	PLP	Sự nghiệp	Dịch vụ	Số được để lại theo chế độ	Số nộp ngân sách	
		4=5+6+7	5	6	7	8	9	10= 11+12+13	11	12	13	14	15	105
	TỔNG CỘNG A+B:													
I	<u>THU PHÍ, LỆ PHÍ</u>	81,892	81,892	-	-	61,497	20,395	118,181	118,181	-	-	93,513	24,986	144%
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	400	400				400	100	100				110	25%
2	Chi cục Quản lý đất đai	300	300				300	70	70				70	23%
3	Chi cục Bảo vệ môi trường	9,400	9,400			2,000	7,400	10,600	10,600			2,250	8,350	113%
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	8,000	8,000			2,000	6,000	9,000	9,000			2,250	6,750	113%
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	800	800				800	400	400				400	50%
	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường	600	600				600	1,200	1,200				1,200	200%
4	Trung tâm CNTT- Lưu trữ TNMT	80	80			60	20	153	153			397	64	191%
a	Phí khai thác, sử dụng tài liệu, dữ liệu tài nguyên và môi trường	60	60			48	12	100	100			80	20	167%

b	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	20	20			12	8	53	53			32	21	265%
5	Văn phòng Đăng ký đất đai													
A	Thu phí	66,628	66,628	-	-	59,437	7,191	101,580	101,580	-	-	90,866	10,714	152.5%
	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm	4,511	4,511			3,835	677	5,085	5,085			4,322	763	112.7%
	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai (cung cấp thông tin địa chính)	3,023	3,023			2,419	605	3,020	3,020			2,416	604	99.9%
	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất	59,093	59,093			53,184	5,909	93,475	93,475			84,128	9,348	158.2%
B	Thu lệ phí	5,084	5,084	-	-	-	5,084	5,678	5,678	-	-	-	5,678	111.7%
	Lệ Phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền SHNO và tài sản khác gắn liền với đất và lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	5,084	5,084				5,084	5,678	5,678				5,678	111.7%
II	THU SỰ NGHIỆP	241,737	-	#####	94,300	135,109	12,628	257,290	-	162,982	94,308	148,349	14,941	106%
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất	35,704		35,704		34,279	1,425	14,428		14,428		14,373	55	40%
2	Văn phòng Đăng ký đất đai	111,733		111,733		100,560	11,173	148,554		148,554		133,699	14,855	133%
3	Trung tâm CNTT- Lưu trữ TNMT	300			300	270	30	308			308	277	31	103%
4	Trung tâm Quan trắc- Kỹ Thuật TNMT	94,000			94,000			94,000			94,000			100%

Phụ lục III

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 4806 /BC-STNMT ngày 21 / 12 /2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)



ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Chương, loại, khoản	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Lũy kế	So sánh tỷ lệ % thực hiện / dự toán năm, kế hoạch
1	2	3	4	5	6	7
I	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
A	Kinh phí tự chủ	426-340-341	5,664	5,664		
	Kinh phí tự chủ	426-340-341	5,664	5,664		100%
	Kinh phí CCTL	426-340-341				
B	Kinh phí không tự chủ (1+2+3+4)					
1	Kinh phí không tự chủ QLNN	426-340-341	1,392	1,100		79%
2	Kinh phí sự nghiệp môi trường	426-250-278	755	755		100%
3	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	426-280-332	38,230	22,000		58%
II	CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		6,582	6,186		94%
A	Kinh phí tự chủ		2,833	2,833		100%
1	Kinh phí tự chủ	426-340-341	2,833	2,833		100%
2	Kinh phí CCTL	426-340-341				
B	Kinh phí không tự chủ (1+2)		3,749	3,353		89%
1	Kinh phí không tự chủ (KP QLNN)	426-340-341	1,046	888		85%
2	Kinh phí sự nghiệp môi trường	426-280-278	2,703	2,465		91%
III	CHI CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI					
A	Kinh phí tự chủ		3,370	3,370	0	100%
1.1	Kinh phí tự chủ (13)		3,370	3,370		100%

1.2	Kinh phí CCTL(14)					
B	Kinh phí không tự chủ (quản lý nhà nước)		413	215		52%
IV	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT					
A	Kinh phí tự chủ	426-280-338				
B	Kinh phí không tự chủ (1+2+3)					
1	Kinh phí không tự chủ					
	- Kinh phí thực hiện chuyên môn - Quản lý thu hồi đất		7,250	6,271		86%
	+ Quản lý đất thu hồi:		737	737		
	+ Tiền lương, các khoản theo lương		710	710		
	+ Chi phí tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất		1,828	1,828		
	+ Kinh phí thực hiện dự án khu vực Thành Ủy - UBND Tp. Thủ Dầu Một (Cũ) tại P.Hiệp Thành, Tp. TDM, BD		3,975	2,996		75%
VI	TRUNG TÂM CNTT-LTTNMT		4,207	3,977		95%
1	Kinh phí tự chủ	426-280-332	1,991	1,991		100%
2	Kinh phí không tự chủ	426-280-332	2,216	1,986		90%
	TỔNG CỘNG		10,789	10,163	-	94%

Kinh phí tự chủ	13,858	13,858	-	100%
Kinh phí không tự chủ (QLNN)	2,851	2,203	-	77%
Kinh phí sự nghiệp môi trường	3,458	3,220	-	93%
Kinh phí sự nghiệp kinh tế	40,446	23,986	-	59%

Phụ lục IV

ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ THU CÁC KHOẢN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT VÀ TÍNH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 4806 /BC-STNMT ngày 21/12/2022 của Sở TNMT tỉnh Bình Dương)

1. Công tác xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất và giá đất tái định cư còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân là do

- Theo quy định Luật Đất đai, việc định giá phải đảm bảo nguyên phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng. Tuy nhiên dữ liệu giá chuyển nhượng hiện nay không chính xác, thiếu thông tin để so sánh đối chiếu do thị trường bất động sản hiện nay cơ bản còn chưa minh bạch (Cụ thể: phần lớn các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thể hiện đúng thông tin về giá đất thỏa thuận và thường có xu hướng thấp hơn để giảm nộp tiền thuế thu nhập). Dẫn đến thiếu cơ sở, căn cứ để đối chứng.

- Quy trình xây dựng giá đất theo quy định pháp luật tốn nhiều thời gian do phải trải qua nhiều khâu, nhiều bước (Trung tâm Phát triển quỹ đất ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn (đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 3191/UBND-KTN ngày 16/9/2015)-> thông qua Hội đồng bồi thường -> chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường -> trình Hội đồng thẩm định giá đất -> Chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường -> trình Ủy ban nhân dân tỉnh). Dẫn đến có độ vênh về thời điểm đơn vị tư vấn khảo sát xây dựng giá đến khi UBND tỉnh phê duyệt đơn giá bồi thường.

- Hội đồng thẩm định giá và Tổ giúp việc chưa ban hành bộ chỉ tiêu, tiêu chí, đặc biệt là thông số, tỷ lệ đề thống nhất trong việc xác định, thẩm định giá đất trên địa bàn tỉnh. Do đó, nhiều công trình, dự án phải chỉnh sửa nhiều lần, dẫn đến giá đất cụ thể sau khi phê duyệt đã không còn phù hợp gây bức xúc cho người dân, dẫn đến nhiều thắc mắc, khiếu nại ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

- Đơn giá thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá thấp, trong khi việc xác định giá đất còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp, nhiều công trình phải tổ chức họp nhiều lần. Dẫn đến không thu hút được các đơn vị tư vấn tham gia định giá.

2. Về việc thuê đơn vị tư vấn xác định giá cụ thể tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

- Từ cuối năm 2021 đến nay, việc lựa chọn, ký hợp đồng thuê Đơn vị tư vấn xác định giá cụ thể gặp rất nhiều khó khăn, các đơn vị đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trước đây từng làm tư vấn giá đất cụ thể với địa phương đã tạm ngưng ký hợp đồng với Sở.



Để tìm thêm đơn vị tư vấn phù hợp, CCQLĐĐ đã tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường đăng tin trên Web và có văn bản thông báo gửi đến các Công ty tư vấn thẩm định giá (có đủ điều kiện và năng lực tư vấn, có trụ sở tại các tỉnh phía nam) mời tham gia tư vấn xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Tuy nhiên, các Công ty này đều từ chối ký hợp đồng với Sở với một số nguyên nhân sau:

+ Kinh phí thực hiện dịch vụ tư vấn quá thấp; công việc có độ rủi ro cao, phải phối hợp cung cấp hồ sơ, giải trình nhiều lần theo nhiều chuyên đề thanh kiểm tra của các cơ quan Cảnh sát điều tra, Thanh tra, Kiểm toán,...

+ Hệ thống cơ sở dữ liệu về giá đất của tỉnh Bình Dương chưa hoàn thiện, đơn vị tư vấn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin và hợp đồng giao dịch bất động sản.

+ Đơn vị tư vấn phải thực hiện 02 phương pháp định giá cho 01 khu đất (Điều 8 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT quy định về việc lựa chọn phương pháp định giá đất như sau: Căn cứ vào các thông tin đã thu thập được, điều kiện áp dụng các phương pháp định giá đất quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP để lựa chọn phương pháp định giá đất phù hợp. Trường hợp cần thiết có thể áp dụng kết hợp các phương pháp định giá đất quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP để kiểm tra, so sánh, đối chiếu và quyết định giá đất. Tuy nhiên, đối tượng và điều kiện áp dụng phương pháp định giá chưa được quy định cụ thể, dẫn tới nhiều trường hợp một thửa đất nếu áp dụng hai phương pháp định giá đất khác nhau sẽ ra kết quả định giá chênh lệch, đặc biệt đối với các loại đất có giá trị thương mại cao tại khu vực đô thị, khu vực đang đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng; do đó, để tránh gây thất thoát ngân sách Nhà nước, Hội đồng định giá đất yêu cầu Đơn vị tư vấn xác định giá bằng 02 phương pháp và lựa chọn phương pháp tối ưu).

3. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình xác định giá đối với đất nông nghiệp nằm xen kẹt trong khu dân cư, ven các trục giao thông

Bình Dương là tỉnh phát triển, hầu hết diện tích đất nông nghiệp thuộc các phường, thị trấn, trung tâm đô thị và nằm xen kẹt trong khu dân cư, ven các trục giao thông, người dân không sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Tại các vị trí này lại được quy hoạch là đất ở và các loại đất phi nông nghiệp khác nên giá đất nông nghiệp chuyển nhượng phổ biến trên thị trường cao hơn gấp nhiều lần so với đơn giá được quy định trong Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định (bị khống chế bởi Khung giá đất do Chính phủ quy định). Từ đó dẫn đến việc xác định giá đất nông nghiệp để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối các dự án lớn (đi qua địa phận nhiều tỉnh, thành phố) gặp rất nhiều khó khăn do có sự chênh lệch về giá đất của từng địa phương.

Với thực tế nêu trên, đề xuất xây dựng đơn giá bồi thường đất nông nghiệp để thực hiện dự án đường Vành đai 3, dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và các công trình, dự án khác trong thời gian tới theo một trong hai phương án sau:

- **Phương án 1:** Tiếp tục thực hiện theo phương án giá từ trước đến nay Bình Dương đã làm, sau đó từng bước giảm dần giá đất nông nghiệp cho hài hòa với các địa phương lân cận.

+ Ưu điểm: không làm ảnh hưởng đến các công trình đã đang và chuẩn bị thực hiện; phù hợp với giá đất đang chuyển nhượng phổ biến trên thị trường; tạo được sự đồng thuận của người dân.

+ Nhược điểm: Thời điểm hiện tại, giá đất nông nghiệp của Bình Dương cao hơn so với các tỉnh, thành lân cận.

- **Phương án 2:** Làm tương tự như các tỉnh, thành lân cận, ép dữ liệu đầu vào xuống thấp để giá đất nông nghiệp thấp hơn so với thực tế.

+ Ưu điểm: Hài hòa với giá đất của các tỉnh, thành lân cận; giảm chi Ngân sách;

+ Nhược điểm: Giá đất công trình sau sẽ thấp hơn nhiều lần so với giá đất các công trình trước; giá đất thấp hơn so với giá chuyển nhượng phổ biến trên thị trường; dự kiến sẽ phát sinh nhiều thắc mắc, khiếu nại của người dân.

Để thực hiện theo phương án 02 cần phải có sự vào cuộc đồng bộ, thống nhất về quan điểm của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cấp xã.

4. Khó khăn vướng mắc trong công tác thẩm định giá đất cụ thể

a) Phương pháp so sánh trực tiếp

Việc điều tra, khảo sát thu thập thông tin và kiểm tra thông tin về giá giao dịch thực tế của bất động sản trên thị trường rất khó khăn. Nguyên nhân do: giao dịch bất động sản theo luật định không bắt buộc phải qua sàn giao dịch hay công ty môi giới bất động sản; việc thanh toán tiền mua bán bất động sản cũng không quy định phải qua ngân hàng và cũng chưa có quy định cụ thể về quản lý giá chuyển nhượng bất động sản nên giá giao dịch thực tế chưa thể hiện đầy đủ tại các hợp đồng giao dịch bất động sản, đồng thời người cung cấp thông tin về giá đất (người chuyển nhượng hoặc người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) từ chối hợp tác cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đúng với thực tế, không ký vào Phiếu điều tra để xác nhận thông tin về giá đất đã cung cấp, dẫn đến các cơ quan chuyên môn khó kiểm tra thông tin giao dịch do đơn vị tư vấn điều tra được:

Do đó, để tiếp cận được giá thực tế chuyển nhượng thì đơn vị tư vấn sẽ phỏng vấn thêm bên thứ 3 (người môi giới, cán bộ địa chính, người sử dụng đất gần thửa đất chuyển nhượng...). Tuy nhiên, theo Khoản 1, Điều 3 Thông tư 36/2014/TT-BTNMT thì việc phỏng vấn bên thứ 3 là chưa phù hợp với quy định hiện hành, do đó kiến nghị xem xét cho ý kiến tháo gỡ vướng mắc nêu trên.

b) Phương pháp thặng dư

Theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với khu đất, thửa đất có quy mô diện tích lớn, có tiềm năng phát triển theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và không có khu đất, thửa đất tương tự để so sánh, thì thực

hiện thẩm định giá theo phương pháp thặng dư, nhưng khi áp dụng trong thực tiễn còn một số khó khăn bất cập như sau:

- Việc thu thập thông tin giá bán, giá cho thuê bất động sản để xác định doanh thu cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc tương tự phương pháp so sánh trực tiếp.

- Thuyết minh dự án đầu tư là một trong những tài liệu quan trọng làm cơ sở để sử dụng số liệu áp dụng trong phương pháp thặng dư: tiến độ thực hiện dự án, tiến độ kinh doanh, suất vốn đầu tư... mà các chỉ tiêu này có vai trò quyết định đến kết quả định giá. Hiện nay, các thuyết minh dự án đầu tư không đủ thông tin dữ liệu, hoặc thiếu số liệu chứng minh... Đồng thời, chưa có hướng dẫn cũng như chưa có sự thống nhất giữa các ngành trong việc áp dụng phương pháp thặng dư theo toàn bộ dự án hay theo từng giai đoạn đối với một số dự án chia làm nhiều giai đoạn. Do đó, việc thẩm định gặp nhiều khó khăn khi xem xét rà soát phương pháp tính toán nếu áp dụng phương pháp thặng dư./.

Phụ lục V

ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC NĂM 2023 VỚI UBND TỈNH

(Đính kèm theo Báo cáo số 4806 /BC-STNMT ngày 21/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

S T T	Tên nội dung	Căn cứ pháp lý	Tính cần thiết	Thời gian, thẩm quyền thông qua			Ghi chú
				UBND tỉnh ⁽¹⁾	HĐND tỉnh ⁽²⁾	Tỉnh ủy ⁽³⁾	
1	Xây dựng Quyết định quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương	<p>- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.</p>	<p>- Năm 2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND về quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trên cơ sở căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP và Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.</p> <p>- Tuy nhiên, các căn cứ trên đã hết hiệu lực và thay thế bằng Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT về quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Do đó việc dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND về quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng quy định pháp luật.</p>	Tháng 6/2023			<p>- Thay thế Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND.</p> <p>- Đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 3364/UBND-KT ngày 05/7/2022</p>
2	Đơn giá duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Thông tư 14/2020/TT-BTNMT ngày 27/11/2020 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường	<p>- Hiện nay chưa ban hành Quyết định đơn giá duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành TNMT trên địa bàn tỉnh gây ra nhiều khó khăn cho cơ quan, đơn vị khi áp dụng về đơn giá.</p> <p>- Ngày 27/11/2020 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT về quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng,</p>				Đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 3364/UBND




S T	Tên nội dung	Căn cứ pháp lý	Tính cần thiết	Thời gian, thẩm quyền thông qua		Ghi chú
			<p>duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành TNMT.</p> <p>- Ngày 02/02/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 498/STNMT-TTCNTTLLT về việc thực hiện Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27/11/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời được Cục Công nghệ Thông tin và Dữ liệu Tài nguyên và Môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phúc đáp tại Công văn số 84/CNTT-KHTC ngày 15/3/2021, trong đó có nội dung “Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xây dựng các đơn giá theo định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành tại Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT là phù hợp quy định”.</p>	Tháng 6/2023		ND-KT ngày 05/7/2022
3	Đơn giá về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Thông tư số 03/2022 /TT-BTNMT ngày 28/02/ 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.	<p>- Ngày 02/6/2016, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND về việc quy định đơn giá tư liệu môi trường và lưu trữ tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trên cơ sở căn cứ pháp lý Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/02/2007 về hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc và bản đồ về quản lý đất đai; Thông tư số 42/2011/TT-BTNMT ngày 12/02/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về tư liệu môi trường; Thông tư số 33/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lưu trữ tài liệu đất đai,</p> <p>Tuy nhiên, các căn cứ trên đã hết hiệu lực và</p>	Tháng 6/2023		<p>- Thay thế Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND</p> <p>- Đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 3364/UBND-KT ngày 05/7/2022</p>

S T	Tên nội dung	Căn cứ pháp lý	Tính cần thiết	Thời gian, thẩm quyền thông qua			Ghi chú
			thay thế bằng Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT về quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Do đó việc xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND là cần thiết.				
4	Điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích có sử dụng đất lúa thực hiện trong năm 2023 cấp huyện;	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 	Làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất	Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2023	Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2023		
5	Báo cáo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện; đăng ký thông qua Danh mục các dự án công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích có sử dụng đất lúa thực hiện trong năm 2024 cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 	Làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất	Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2023	Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2023		

X.H.C
SỞ
GUYỄN
TRƯỜNG
X.H.C

S T	Tên nội dung	Căn cứ pháp lý	Tính cần thiết	Thời gian, thẩm quyền thông qua		Ghi chú	
6	Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Bình Dương 2021-2025	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi 37 Luật về quy hoạch; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường 	Làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất				
7	Điều chỉnh Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất; - Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; - Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất; - Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ 	<p>Làm căn cứ để: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính thuế sử dụng đất. Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai. Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai. Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất.</p>	Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2023	Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2023		

S T	Tên nội dung	Căn cứ pháp lý	Tính cần thiết	Thời gian, thẩm quyền thông qua			Ghi chú
		<p>Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;</p> <p>- Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;</p>					

Phụ lục VI

DANH SÁCH THỰC HIỆN CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC KHU VỰC PHÍA NAM GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

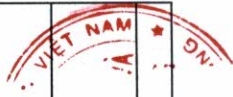
(Kèm theo Báo cáo số 4886 /BC-STNMT ngày 21 / 12 /2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Khu tái định cư	Địa điểm	Diện tích (m2)	Số nền TĐC	Năm thực hiện	Thông báo chỉ đạo theo Công văn số 5272/UBND-KT ngày 07/10/2022	Kết quả thực hiện
I	06 KHU TÁI ĐỊNH CƯ NGUỒN GỐC ĐẤT CÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ		97,012	539			
1	Khu tái định cư 1	phường Phú Thọ, Tp.Thủ Dầu Một	40,000	222	Năm 2022-2023	Giao UBND tp Thủ Dầu Một rà soát nguồn vốn ngân sách cấp huyện để thực hiện	UBND thành phố Thủ Dầu Một đang triển khai các bước về chủ trương đầu tư, lập 1/500
2	Khu Tái định cư phường Thái Hòa	phường Thái Hòa, Tx.Tân Uyên	9,335	52	Năm 2022-2023	Giao UBND thị xã Tân Uyên rà soát nguồn vốn ngân sách cấp huyện để thực hiện	UBND thị xã Tân Uyên đang triển khai các bước về chủ trương đầu tư, lập 1/500
3	Khu tái định cư phường Thạnh Phước	phường Thạnh Phước, Tx.Tân Uyên	13,598	76	Năm 2022-2023		
4	Khu tái định cư Thạnh Hội	xã Thạnh Hội, Tx.Tân Uyên	11,900	66	Năm 2022-2023		
5	Khu tái định cư Phường Hội Nghĩa	phường Hội Nghĩa, Tx.Tân Uyên	3,854	21	Năm 2022-2023		
6	Khu tái định cư phường Uyên Hưng	phường Uyên Hưng, Tx.Tân Uyên	18,325	102	Năm 2022-2023		
II	04 KHU TÁI ĐỊNH CƯ NGUỒN GỐC ĐẤT DO DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA		1,513,004	6,739			
1	Khu tái định cư 2	phường Phú Thọ, Tp.Thủ Dầu Một	50,501	281	Năm 2023-2025		BQLDA tỉnh và UBND tp TDM đang thực hiện tiếp nhận khu đất, triển khai các bước liên quan thực hiện dự án
2	Khu Tái định Gò Chai	Phường Bình Hòa, Tp.Thuận An	236,400	1,313	Năm 2022-2023 (Giai đoạn 1)	Giao Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	STNMT có Báo cáo số 4282/BC-STNMT ngày 21/11/2022 xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy chấp thuận chủ trương thực hiện 04
			163,600	909	Năm 2023-2025 (Giai đoạn 2)		
3	Khu Tái định cư Công nghiệp An Tây	Xã An Điền, Tx.Bến Cát	462,503	2,569	Năm 2023-2024 (Giai đoạn 2)		



STT	Khu tái định cư	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Số nền TĐC	Năm thực hiện	Thông báo chỉ đạo theo Công văn số 5272/UBND-KT ngày 07/10/2022	Kết quả thực hiện
4	Khu tái định cư tiếp giáp đường DT746	phường Hội Nghĩa, Tx.Tân Uyên	300,000	1,667	Năm 2023-2025		dự án khu tái định cư (thực hiện Công văn số 5685/UBND-KT ngày 28/10/2022)
			300,000				
III	08 KHU TÁI ĐỊNH CƯ NGUỒN GỐC ĐẤT CỦA CÁC HỘ DÂN		2,730,921	15,172			
1	Khu tái định cư Tân Bình	phường Tân Bình, Tp. Dĩ An	300,000	1,667	Năm 2023-2025	Giao UBND thành phố Dĩ An lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Giao UBND thành phố Dĩ An lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
2	Khu Tái định cư Vành Đai 4	Xã An Điền và xã An Tây, Tx. Bến Cát	700,000	3,889	Năm 2024-2025 (Giai đoạn 2)	Giao UBND thị xã Bến Cát lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	STNMT có Báo cáo số 4282/BC-STNMT ngày 21/11/2022 xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy chấp thuận chủ trương thực hiện 04 dự án khu tái định cư (thực hiện Công văn số 5685/UBND-KT ngày 28/10/2022)
3	Khu tái định cư An Điền	Xã An Điền, Tx. Bến Cát	91,907	511	Năm 2024-2025 (Giai đoạn 2)		
4	Khu tái định cư Mỹ Phước	phường Mỹ Phước, Tx. Bến Cát	48,937	272	Năm 2024-2025 (Giai đoạn 2)		
5	Khu tái định cư Vành đai Mỹ Phước	phường Mỹ Phước, Tx. Bến Cát	190,077	1,056	Năm 2024-2025 (Giai đoạn 2)	Giao UBND thị xã Tân Uyên rà soát nguồn vốn ngân sách cấp huyện để thực hiện	UBND thị xã Tân Uyên đang triển khai các bước về chủ trương đầu tư, lập 1/500
6	Khu Tái định cư 2	phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên	370,000	2,056	Năm 2024-2025		
7	Khu Tái định cư 3	phường Vĩnh Tân, Tx. Tân Uyên	430,000	2,389	Năm 2024-2025		

STT	Khu tái định cư	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Số nền TĐC	Năm thực hiện	Thông báo chỉ đạo theo Công văn số 5272/UBND-KT ngày 07/10/2022	Kết quả thực hiện
8	Khu Tái định cư 4	phường Thái Hòa, Tx. Tân Uyên	600,000	3,333	Năm 2024-2025		
Tổng (I+II+III)			4,340,937	22,450			



Phụ lục VII

SƠ ĐỒ CÁC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ NĂM 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường

(Bản hiện hành) **Đất đai** - Báo cáo số **4806/BC-STNNMT** ngày **21/12/2022** của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	TÊN KHU ĐẤT	ĐỊA ĐIỂM	SỐ TỜ	SỐ THU	MỨC ĐỘ TÍCH THU HỒI (m ²)	MỨC ĐỘ TÍCH THU HỒI (%)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT KHI ĐẦU TƯ	QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030	ĐẤT Ở TẠI ĐỂ TH	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC	ĐẤT Ở ĐỂ TH, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	QUYẾT ĐỊNH THU HỒI ĐẤT	HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT	THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ	Thông báo chỉ đạo theo 353/TB-UBND ngày 14/10/2022	Tiến độ thực hiện
1	Kế hoạch năm 2023 đầu tư (06 khu) Trong đó: Năm 2022 chuyển 01 khu sang năm 2023 là Khu vực Thành phố-UBND thành phố Thủ Dầu Một (cũ)				2.530.754,60												
1	Khu đất của các cơ quan thuộc tỉnh để thực hiện dự án Khu vực Thành phố-UBND thành phố Thủ Dầu Một (cũ)	P Hiệp Thành, Tp. TDM	HTC 56, 63-1, 63-2		39.585,3		Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và các hộ dân	Đất ở tại để th				Đất ở để th, đất thương mại dịch vụ	Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 của UBND tỉnh Bình Dương	Chưa bồi thường, hỗ trợ để với công trình xây dựng Công đình và diện tích 87,2m ² của Đình thần Chánh An.	Quý I-2023	1. Giao TTPTQD khẩn trương thuê đơn vị tư vấn để tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500. (trước ngày 04/11/2022). 2. Sở Xây dựng xem xét, thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	- Ngày 19/10/2022 TTPTQD có mời các đơn vị liên quan làm việc về việc rà soát, chỉnh sửa quy hoạch chi tiết 1/500. - Ngày 16/11/2022 Sở TNMT kiến nghị UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo đối với các nội dung đề xuất của Sở Xây dựng tại báo cáo số 4051/SXD-QHKT ngày 5/10/2022.
2	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH TNHH San Miguel Pure Foods	X. Lai Hưng, H. Bàu Bàng	37	2507	2.342.303		Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại nông thôn				Đất ở, kết hợp thương mại dịch vụ	Quyết định số 3038/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Bình Dương	Công ty để bán giao đất sạch. TTPTQD tỉnh đã phối hợp với VPĐKDD tỉnh để đo đạc, cắm mốc ranh giới thiết lập hoàn chỉnh bản đồ địa chính.	Quý III-2023	Giao UBND huyện Bàu Bàng chủ trì, phối hợp Sở TNMT, Sở KHĐT, Sở Xây dựng, Sở GTVT và các đơn vị liên quan tiến hành lập Quy hoạch chi tiết 1/500	- Cho UBND huyện Bàu Bàng tiến hành lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 sẽ thực hiện các bước tiếp theo.
3	Khu đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hoà	X. An Thái, H. Phú Giáo	61	40, 148, 3002, IPT149, IPT198, IPT142, IPT177	71.361,9		Đất nông nghiệp khác	Đất thủy lợi				Đất ở	Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 20/06/2022 của UBND tỉnh Bình Dương	Công ty để bán giao đất sạch.	Quý III-2023	Giao UBND huyện Phú Giáo chủ trì, phối hợp Sở TNMT, Sở KHĐT, Sở Xây dựng, Sở GTVT và các đơn vị liên quan tiến hành lập quy hoạch chi tiết 1/500	- Ngày 16/11/2022 Sở TNMT kiến nghị UBND huyện Phú Giáo tiến hành tổ chức lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
4	Khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tấn Lợi	P Hiệp Thành, Tp. TDM	25-1	24	8.054,4		Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Đất hạ tầng				Đất ở để th, đất thương mại dịch vụ	Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Bình Dương	Công ty để bán giao đất sạch. TTPTQD tỉnh đã phối hợp với VPĐKDD tỉnh để đo đạc, cắm mốc ranh giới thiết lập hoàn chỉnh bản đồ địa chính.	Quý III-2023	1. Giao TTPTQD tỉnh làm việc với UBND TP TDM tiến hành rà soát cơ sở pháp lý liên quan đến 02 hộ đang sử dụng đất trong ranh đất thu hồi. 2. Giao UBND TP TDM phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải và các đơn vị có liên quan tiến hành lập quy hoạch chi tiết 1/500	- Ngày 16/11/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đề nghị UBND TP TDM tiến hành tổ chức lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với khu đất thu hồi tại phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một.



